TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM - ST
Ngày: 10/9/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoài Bảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Lê Đức Dũng
  2. Bà Lại Thị Thúy Hằng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Bích, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.
- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hà, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2019/LTST-KDTM ngày 16/4/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-KDTM ngày 12/8/2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Nguyễn T T H, sinh năm: 1962.
Địa chỉ: 155, ấp NH, xã XB, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.
Bị đơn: Bà N T A L, sinh năm 1969.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông N Đ P, sinh năm 1966.
Cùng địa chỉ: Ấp TH, xã XB, huyện CM, tỉnh Đồng Nai.
(Bà H có mặt, bà L, ông P vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2019, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn T T H trình bày: Vào năm 2014 bà bắt đầu bán cám cho vợ chồng bà L. Đến năm 2016 thì bà không

bán cám cho vợ chồng bà L nữa. Hình thức mua bán cám là bà cho vợ chồng bà L mua thiếu, sau khi heo suất bán đợt nào trả tiền đợt đó, nếu không mua cám của bà nữa thì phải thanh toán tiền ngay thời điểm chấm dứt việc mua bán, khi mua bán chỉ nói miệng, không làm hợp đồng, khi nào bà L mua thiếu thì ký nhận vào sổ ghi nợ. Ngày 09/9/2016 bà không bán cám cho vợ chồng bà L nữa, lúc đó vợ chồng bà L, ông P thiếu bà số tiền 374.843.000 đồng, hai bên có thỏa thuận miệng là sẽ tính tiền lãi 1% một tháng. Sau đó vợ chồng bà L có thanh toán cho bà một số tiền, quá trình thanh toán như sau: Ngày 07/10/2016 trả 90.000.000 đồng, ngày 13/10/2016 trả 50.000.000 đồng, ngày 10/12/2016 trả 20.000.000 đồng, ngày 23/12/2016 trả 30.000.000 đồng, ngày 19/02/2017 trả 20.000.000 đồng, sau đó bà với vợ chồng bà L chốt nợ, bà L ghi vào sổ ghi nợ của bà xác nhận còn thiếu bà số tiền 164.843.000 đồng, bà nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà L thanh toán toàn bộ số tiền này nhưng vợ chồng bà L không chịu thanh toán cho bà toàn bộ số tiền trên mà thanh toán thêm một số lần, cụ thể ngày 11/10/2017 trả 10.000.000 đồng, ngày 12/11/2017 trả 5.000.000 đồng, ngày 11/02/2018 trả 5.000.000 đồng, ngày 05/08/2018 trả 10.000.000 đồng, ngày 04/11/2018 trả 10.000.000 đồng, hiện này số tiền vợ chồng bà L còn thiếu của bà là 124.853.000 đồng. Bà yêu cầu vợ chồng bà L thanh toán cho bà tiền gốc là 124.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 11/10/2017 cho đến ngày 12/7/2019 với lãi suất 1% một tháng là 32.240.000 đồng. Tại phiên tòa, bà trình bày do mình nhớ nhầm thời điểm chốt nợ, nay bà yêu cầu tính lãi từ thời điểm ngày 19/02/2017 cho đến ngày 12/7/2019 với lãi suất 1% một tháng trên số tiền 124.000.000 đồng là 32.240.000 đồng

- *Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn bà N T A L trình bày*: Vào năm 2014 vợ chồng ông bà mua cám của bà H để cho heo ăn, đến khoảng tháng 9/2016 thì ông bà không mua cám của bà H nữa. Đến thời điểm tháng 9/2016 thì ông bà còn thiếu bà H số tiền mua cám là 374.843.000 đồng, sau đó ông bà thanh toán cho bà H như sau: Ngày 07/10/2016 trả 90.000.000 đồng, ngày 13/10/2016 trả 50.000.000 đồng, ngày 10/12/2016 trả 20.000.000 đồng, ngày 23/12/2016 trả 30.000.000 đồng, ngày 19/02/2017 trả 20.000.000 đồng, ngày 11/10/2017 trả 10.000.000 đồng, ngày 12/11/2017 trả 5.000.000 đồng, ngày 11/02/2018 trả 5.000.000 đồng, ngày 05/08/2018 trả 10.000.000 đồng, ngày 04/11/2018 trả 10.000.000 đồng. Còn lại số tiền 124.843.000 đồng ông bà vẫn chưa thanh toán cho bà H. Ông bà đồng ý thanh toán số tiền 124.000.000 đồng cho bà H, không đồng ý thanh toán số tiền lãi cho bà H vì khi mua thiếu thì mỗi bao cám bà H đã công thêm 30.000 đồng.

- *Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N Đ P trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày và ý kiến của bà N T A L.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp được nêu trong thông báo thụ lý vụ án số 05/2019/TB-TLVA ngày 16/4/2019; bản tự khai, biên bản lấy lời khai

của các đương sự; 01 sổ ghi nợ do bà Nguyễn T T H cung cấp; Biên bản xác minh của Tòa án; Công văn số 191/CV-TCKH ngày 24/4/2019 của Phòng tài chính kế hoạch huyện Cẩm Mỹ cung cấp; Công văn 0207/2019/CV-ACĐN ngày 02/7/2019 của Công ty Cổ phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế cung cấp; Công văn trả lời lãi suất của các ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án đầy đủ. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Luật thương mại: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 124.000.000 đồng.

Đối với tiền lãi, buộc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi từ tháng 11/2018 đến ngày xét xử vụ án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng trên số tiền 124.00.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn, người có quyền lợi, nghãi vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa các đương sự là " Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" có một bên đăng ký kinh doanh, các bên đều có mục đích lợi nhuận, do đó vụ án được xác định là vụ án kinh doanh thương mại, theo khoản 1, Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn: Bà N T A L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông N Đ P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với Bà N T A L và ông N Đ P theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Nguyễn T T H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà N T A L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N Đ P thanh toán

tiền mua cám là 124.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 19/02/2017 cho đến ngày 12/7/2019 theo mức lãi suất 1% một tháng trên số tiền 124.000.000 đồng. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua cám là 124.000.000 đồng và đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền này, nhưng không đồng ý thanh toán tiền lãi. Do đó các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn nhận thấy: Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là cuốn sổ ghi nợ, đồng thời bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng thừa nhận có mua cám của nguyên đơn và hiện đang thiếu nguyên đơn số tiền mua cám là 124.000.000 đồng. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán số tiền nợ gốc 124.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 1% một tháng trên số tiền 124.000.000 đồng thời hạn từ ngày 19/02/2017 cho đến ngày 12/7/2019 là 32.240.000 đồng. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý thanh toán tiền lãi vì cho rằng khi nguyên đơn bán cám cho mình thì mỗi bao cám đã công thêm 30.000 đồng, Thấy rằng: Đối chiếu sổ ghi nợ mà bà H cung cấp với Công văn số 0207/2019/CV-ACĐN, ngày 02/7/2019 của Công ty Cổ phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế, xác định giá bán cám của bà Nguyễn T T H không cao hơn so với giá cám của Công ty; bà L, ông Tưởng không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình, ngoài ra việc mua bán là thỏa thuận của hai bên, không có ai ép buộc, lừa dối, theo quy định của Luật tH mại thì người mua chậm thanh toán tiền cho người bán thì phải chịu lãi do việc chậm thanh toán tiền của mình. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Đối với thời hạn yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Khi các bên mua bán cám không làm hợp đồng mua bán, chỉ thỏa thuận miệng với nhau sẽ thanh toán tiền theo đợt bán heo. Tuy nhiên, các đương sự đều thừa nhận tháng 9 năm 2016 các bên chấm dứt mua bán và lần chốt nợ cuối cùng là ngày 19/02/2017, theo quy định tại Điều 55 luật thương mại quy định: "Trừ trường hợp có thoả thuận khác, thời hạn thanh toán được quy định như sau: 1. Bên mua phải thanh toán cho bên bán vào thời điểm bên bán giao hàng hoặc giao chứng từ liên quan đến hàng hoá", do đó thời điểm chốt nợ cuối cùng vào ngày 19/02/2017 được xem là thời điểm mà bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải thanh toán toàn bộ số tiền mua cám còn thiếu cho nguyên đơn. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ để đối chất, hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do, nên không có ý kiến về vấn đề này. Bà H yêu cầu bà L, ông P phải thánh toán tiền lãi cho bà từ ngày 19/02/2017 cho đến ngày 12/7/2019 với mức lãi suất được tính trên số tiền 124.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó yêu cầu này cảu bà H có căn cứ chấp nhận.

Đối với mức lãi suất: Căn cứ Điều 306 Luật thương mại, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Về mức lãi suất sẽ được áp dụng theo quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Qua xác minh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Cẩm Mỹ Nam Đồng Nai cung cấp lãi suất quá hạn đối với khoản vay trung hạn là 18 % một năm, Ngân hàng thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Đông Đồng Nai cung cấp lãi suất quá hạn đối với khoản vay sản xuất kinh doanh trung hạn là 16.95% một năm và Ngân hàng thương mại Cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Đồng Nai phòng giao dịch Long Khánh cung cấp lãi suất quá hạn đối với khoản vay trung hạn là 17.25 % một năm, trung bình lãi suất quá hạn của ba ngân hàng là 17.4%/năm, tương ứng 1.45% môt tháng. Bà H yêu cầu lãi suất 1% một tháng, thấp hơn mức lãi quá hạn trung bình của ba ngân hàng, đây là yêu cầu tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên chấp nhận.

Số tiền lãi mà bà L, ông P phải thanh toán cho bà H từ ngày 19/02/2017 cho đến ngày 12/07/2019 với mức lãi suất là 1% một tháng trên số tiền 124.000.000 đồng là: [124.000.000 đồng x (2 năm x 12%)] + [124.000.000 đồng x (4 tháng x 1%)] + [124.000.000 đồng x (23 ngày x 0.03%)] = 35.575.600 đồng.

Tuy nhiên bà H chỉ yêu cầu thanh toán số tiền lãi là 32.240.000 đồng, do đó ghi nhận yêu cầu này của bà H.

[5] Về tránh nhiệm trả nợ: Bà L, ông P đều thừa nhận vợ chồng ông bà là người mua cám của bà H để nuôi heo, do đó bà L, ông P có tránh nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền nợ gốc là 124.000.000 đồng và tiền lãi là 32.240.000 đồng, tổng công 156.240.000 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; khoản 1, Điều 36; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 91; Điều 92; khoản 1, Điều 147; các Điều: 235, 264, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 24, 50, 55, 306 Luật thương mại;

Căn cứ: Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều: 11, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn T T H đối với bị đơn bà N T A L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N Đ Pvề việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc bà N T A L và ông N Đ P phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn T T H số tiền 156.240.000đ (một trăm năm sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), trong đó số tiền gốc mua hàng là 124.000.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu) đồng và tiền lãi là 32.240.000đ (Ba mươi hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

Bà N T A L và ông N Đ Pphải chịu án phí kinh doanh tH mại sơ thẩm là 7.812.000 đồng (Bảy triệu tám trăm mười hai nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn T T H số tiền 4.150.000 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 004777 ngày 05/4/2019 của Cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND. tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND huyện Cẩm Mỹ;*
- *Chi cục THADS H. Cẩm Mỹ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoài Bảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa**

Nguyễn Hoài Bảo